

Bản án số: 639/2026/DS-PT
Ngày: 08 - 5 - 2026
Về việc “Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thuý Lành
Các Thẩm phán: Bà Phùng Thị Cẩm Hồng
Bà Nguyễn Thị Diễm Hằng

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Phan Ngọc Nhân *Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.*

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tho, *Kiểm sát viên.*

Ngày 08 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 273/2026/TLPT-DS ngày 10 tháng 4 năm 2026 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 45/2026/DS-ST ngày 29/01/2026 Tòa án nhân dân Khu vực 10 - Tây Ninh, bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 362/2026/QĐ-PT ngày 15 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thuý L, sinh năm 1974

Địa chỉ: Số I, ấp T, xã N, tỉnh Tây Ninh (có mặt)

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1974

Địa chỉ: Tổ C, ấp T, xã N, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

Người đại diện theo uỷ quyền của bà N: Bà Lê Nguyễn Kim H, sinh năm 1973

Địa chỉ: Khu phố L, phường H, tỉnh Tây Ninh (có mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn H1, sinh năm 2001.

Đ chỉ: Ấp T, xã N, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị N, là bị đơn. Ông Nguyễn Văn H1 là người có quyền và nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – bà Nguyễn Thị Thúy L trình bày:

Bà L và bà N có mối quan hệ vay mượn và bà có chơi hụi của bà N, bà có mua hụi của bà N.

Bà có chơi hụi của bà N nhiều dây hụi, bà có hốt hụi từ năm 2021, hụi đã mất. Sau đó năm 2023, bà mua hụi của bà N, bà đã giao tiền mua hụi cho bà N là 372.000.000 đồng vào ngày 26/5/2023. Đối với tiền hụi giữa bà và bà N, bà đã đóng hụi chết xong, vì khi hốt hụi, hai bên tính toán xong bà N mới đăng tiền hụi cho bà.

Về việc viết bằng thoả thuận bán đất do bà N viết, bà N mượn tiền bà nhiều lần, giấy này là chốt nợ tiền vay giữa bà và bà N tính đến ngày 06/9/2023 là 700.000.000 đồng, sau đó mượn thêm 100.000.000 đồng không ghi giấy; ngày 12/10/2023 bà N cầm 400.000.000 đồng tiền mặt đến nhà bà, sau đó năn nỉ bà trả lại bản chính giấy đất để vay tiền trả cho bà, bà đồng ý; ngay sau đó bà N than thở, năn nỉ mượn lại 400.000.000 đồng, bà cũng cho mượn nên cùng ngày 12/10/2023 bà N mới ghi tổng tiền mượn là 800.000.000 đồng. Đến ngày 15/10/2025, bà N mượn thêm của bà 100.000.000 đồng. Tổng cộng tiền mượn bà N thiếu bà là 900.000.000 đồng. Ban đầu ghi thời hạn trả nợ là trong vòng 01 năm. Bà đòi tiền nhiều lần nhưng bà N không trả.

Tiền lãi hai bên thoả thuận miệng, ban đầu thoả thuận là 2,5%/tháng/01 tỷ đồng nhưng bà N đã đóng lãi được mấy tháng thông qua bà H2, bà H3. Tiền bà H2, bà H3 đưa là tiền lãi của số tiền 900.000.000 đồng.

Nội dung trong cuốn tập màu xanh do bà N cung cấp cho Toà án có đoạn ghi “06/12/2023, Nhà mượn bà L 626.000.000 đồng” có chữ ký, chữ viết mang tên Nguyễn Thị Thúy L là chữ ký, chữ viết của bà. Đây là khoản nợ cũ của bà N, mượn bà 600 triệu đồng nằm trong khoản nợ đã gút nợ ngày 06/9/2023, còn 26 triệu đồng tiền hụi bà N chưa đăng đủ. Vì bà N mượn tiền bà rất nhiều lần, nhiều khoản, tiền hụi thì không đăng 01 lần mà đăng nhiều lần vì hụi nhiều dây nhiều phần, vì bà N hẹn trả khoản tiền này trước nên bà mới đồng ý ghi số tiền này. Đến ngày 25/5/2024 thì bà có ghi số tiền 625.000.000 đồng này vì bà N muốn trả khoản nợ này trước nên hai bên thoả thuận chia ra là 30 lần góp, mỗi lần góp là 25.000.000 đồng nhưng bà N không có góp kỳ nào. Nội dung này ghi trong cuốn tập màu xanh là do bà viết ra, vì chỉ là thoả thuận nên bà chỉ ghi nội dung góp 30 lần. Việc bà N nói đã góp là không đúng. Số tiền 600 triệu đồng này là nợ cũ, bà N năn nỉ tách ra để trả góp, còn khoảng 300 triệu đồng là trả riêng. Trong quan hệ làm ăn với bà N, hai bên viết nhiều giấy nợ, cái nào bỏ hoặc chuyển nợ, gút nợ là gạch bỏ, nếu ghi cái khác hoặc bà N trả nợ thì bắt buộc phải gạch giấy nợ. Bà N chưa có trả nợ nên bà vẫn còn giữ bản chính Bảng thoả thuận bang đất ghi ngày 06/9/2023 không có gạch xoá, gạch bỏ gì như những giấy nợ khác.

Ngoài nợ tiền mượn, giữa bà và bà N còn quan hệ góp hội, bà hốt những dây hội mua của bà N thì bà N không đăng hội một lần mà đăng hội nhiều lần, tiền hội chưa đăng và tiền hội chết đã tính toán xong không dính tới tiền vay.

Nay bà L khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn H1 có nghĩa vụ liên đới trả cho bà số tiền 700.000.000 đồng theo Bảng thoả thuận bán đất ghi ngày 06/9/2023, tiền nợ lãi theo quy định của pháp luật từ ngày 06/9/2023 đến khi xét xử sơ thẩm; buộc bà N trả số tiền nợ gốc 200.000.000 đồng mượn sau ngày 06/9/2023 và tiền nợ lãi từ ngày 15/10/2023 theo lãi suất quy định của pháp luật đến ngày xét xử sơ thẩm; bà đồng ý khấu trừ tiền nợ lãi bà N đã đóng thông qua bà H3, bà H2 và tiền anh H1 chuyển khoản.

Bị đơn bà Nguyễn Thị N và người đại diện theo uỷ quyền trình bày:

Bà và bà L có mối quan hệ vay mượn và chơi hội, bà là chủ hội, bà L có chơi hội của bà và bà có bán hội cho bà L.

Vào ngày 06-9-2023, bà có thoả thuận bán cho bà L phần đất rẫy cao su theo “*Bảng thoả thuận bán đất*” với số tiền cọc là 700.000.000 đồng, nếu không bán thì phạt cọc gấp đôi trong vòng 01 năm nhưng thực tế đây là giao dịch vay mượn, bà thế chấp đất cho bà L, bà đưa cho bà L bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để làm tin; chữ ký chữ viết mang tên Nguyễn Thị N do bà ký và viết ra. Con bà là Nguyễn Văn H1 có ký chứng kiến việc bà nhận của bà L 700 triệu đồng và H1 có cam kết nếu bà không có khả năng trả thì anh H1 trả thay cho bà. Sau đó bà có mượn thêm của bà L 100.000.000 đồng, tổng cộng là 800.000.000 đồng. Đến ngày 12/10/2023, bà có lấy bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất về và trả trước cho bà L 400.000.000 đồng. Ngay sau đó thì bà có mượn lại bà L số tiền 400.000.000 đồng, tổng cộng nợ 800.000.000 đồng. Đến ngày 15-10-2023, bà có mượn bà L thêm 100.000.000 đồng, tổng cộng là 900.000.000 đồng. Hai bên thoả thuận miệng tiền lãi là 1.000.000.000 đồng là 26.000.000 đồng/tháng, bà có đóng tiền lãi hàng tháng, đóng từ tháng 9/2023 đến ngày 06/12/2023.

Bà L có chơi hội của bà nhiều dây hội, bà bị bẻ hội tháng 10/2023 nhưng đến tháng 12/2023 bà mới đến gút hội với bà L vì hội của bà L là hội chết, gút tiền hội tính đến ngày 06/12/2023 thì bà L còn nợ tiền hội chết của bà là 240.000.000 đồng. Còn việc mua bán hội là trước khi bà bẻ hội vào tháng 10/2023, bà L đã hốt hội trước khi bà bẻ hội, bà đã đăng hội đầy đủ cho bà L, bà L còn nợ tiền hội chết của bà, gút tổng cộng tiền hội chết còn lại tính đến tháng 12/2023 là 240.000.000 đồng. Giấy mua hội trên giấy tập học sinh, ghi mực màu đỏ do bà L cung cấp là chữ ký, chữ viết của bà, bà đã nhận đủ tiền bán hội của bà L.

Vào ngày 06/12/2023, hai bên gút nợ lại gồm tiền hội chết, tiền vay là 900.000.000 đồng, tiền hội chết bà L tham gia chưa mãn còn nợ lại là 240.000.000 đồng, đưa tiền mặt 60.000.000 đồng nên còn lại 600.000.000 đồng, bà L nói bà phụ tiền lãi 26.000.000 đồng nên cộng thêm thành 626.000.000 đồng, chia ra 30 phần góp mỗi tháng 25.000.000 đồng, bà góp đến 26/5/2024 thì hết, bà H2 có ghi nhận tiền của bà và ký tên trong cuốn tập màu xanh.

Việc bà N không lấy lại bản chính giấy nợ là do sơ suất. Nay bà N không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà L vì bà N đã trả nợ xong.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – ông H1 trình bày:

Mẹ anh có làm ăn và mượn tiền bà L, hàng tháng bà L đến nhà bà L hoặc bà L lên nhà mẹ anh để lấy tiền, cụ thể lấy tiền gì thì do bà N và bà L bàn bạc anh không rành. Thỉnh thoảng khi bà N bận công chuyện thì có nhờ anh đem tiền xuống nhà đưa cho bà L, đưa nhiều lần nên anh cũng không nhớ số tiền và thời gian nào. Ngày 28/01/2025 từ tài khoản ngân hàng A của Nguyễn Văn H1 chuyển qua tài khoản V của bà Nguyễn Thị Thúy L số tiền 20.000.000 đồng, tiền này là bà N góp cho bà L, do tháng đó bà N thiếu tiền góp với bà L, bà L đến nhà quây nên anh phải đem xe của bà N đi thế chấp được 20.000.000 đồng, anh nhận tiền thế xe xong thì chuyển khoản trả cho bà L.

Nội dung cam kết trong Bảng thoả thuận bang đất ghi ngày 06/9/2023 là do bà L đọc cho anh viết ra, là chữ viết của anh, chữ ký mang tên anh là do anh ký và viết ra, thời điểm này anh viết cam kết để bà L làm ăn với bà N, lúc này hai mẹ con anh cùng có mặt, chỉ ký giấy, không có đưa tiền gì, không biết bà N có đưa giấy đất cho bà L không.

Theo trình bày của bà N thì bà N đã trả tiền cho bà L xong nên anh không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà L.

Tại Bản án sơ thẩm 45/2026/DS-ST ngày 29/01/2026 Tòa án nhân dân Khu vực 10 - Tây Ninh quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thúy L đối với bà Nguyễn Thị N về hợp đồng vay tài sản.

Buộc bà Nguyễn Thị N, anh Nguyễn Văn H1 có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Thúy L số tiền nợ gốc là 400.000.000 (bốn trăm triệu) đồng.

Buộc bà Nguyễn Thị N trả cho bà Nguyễn Thị Thúy L tiền nợ gốc 500.000.000 (năm trăm triệu) đồng và tiền nợ lãi là 151.333.000 đồng, tổng cộng là 651.333.000 (sáu trăm năm mươi một triệu, ba trăm ba mươi ba nghìn) đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành tương ứng với thời gian chậm trả theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Thúy L không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Thúy L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 19.500.000 (mười chín triệu, năm trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu số 0009872 ngày 28/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh.

Bà Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn H1 phải cùng chịu tiền án phí dân sự

sơ thẩm là 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng.

Bà Nguyễn Thị N phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 30.053.000 (ba mươi triệu, không trăm năm mươi ba nghìn) đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 30/1/2026 bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Văn H1 kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn, bà Nguyễn Thị N và người có quyền và nghĩa vụ liên quan, ông Nguyễn Văn H1 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Bà Nguyễn Thị N cung cấp 10 hình chụp màn hình điện thoại từ tài khoản zalo có tên Nguyễn Thị N, có nội dung chụp giao dịch chuyển tiền đến tài khoản thụ hưởng là bà Nguyễn Thị Thúy L, tổng số tiền là 72.000.000 đồng. Các giao dịch không thể hiện tài khoản gửi tiền, không thể hiện thời gian giao dịch.

Bị đơn và người đại diện của bị đơn đề nghị cấp phúc thẩm xem xét các chứng cứ mới do bị đơn cung cấp, đồng thời cho rằng khoản tiền bà L mua hụi của bà N là khoản nợ 400.000.000 đồng trong tổng số nợ 900.000.000 đồng.

Người có quyền nghĩa vụ liên quan không đồng ý liên đới với bị đơn trả nợ cho bà L, cho rằng bị bà L ép buộc viết cam kết trả nợ mới trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Mặt khác, bà N đã trả hết tiền cho bà L nên không đồng ý trả tiền cho bà L.

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của bị đơn và người có quyền nghĩa vụ liên quan.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; ý kiến Tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị N, ông Nguyễn Văn H1 nộp trong thời hạn luật định, về hình thức và nội dung kháng cáo phù hợp với quy định tại Điều 272, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị N, ông Nguyễn Văn H1, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Tại cấp sơ thẩm, bà N và bà L trình bày thống nhất có viết giấy bảo đảm thuận bán đất ghi ngày 06/9/2023, chữ ký chữ viết mang tên Nguyễn Thị N là của bà N ký và viết ra, ông H1 là con bà N có cam kết trả thay cho bà N số tiền 700.000.000 đồng nếu bà N không trả tiền được cho bà L. Bà N thừa nhận sau ngày gút nợ có mượn thêm tiền của bà L và ghi tiếp vào Bảng thuận bán đất ghi ngày 06/9/2023, tính đến ngày 15/10/2023 tổng cộng là 900.000.000 đồng. Các bên xác định việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất và đặt cọc là không có thật, nội dung bảng thuận bán đất thực chất là việc chốt nợ giữa bà L và bà N số tiền 700.000.000 đồng, khoản nợ này bà N mượn của bà L nhiều lần và hẹn 01 năm trả. Ngoài bảng thuận này, các đương sự cung cấp thêm các giấy tờ mượn tiền, mua bán hụi.

Tại phiên toà phúc thẩm, bà Nguyễn Thị N cho rằng số tiền mượn thêm 400.000.000 đồng là tiền nợ bán hụi cho bà L. Lời trình bày này không được bà L thừa nhận. Đồng thời bà N cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh số tiền ghi nợ 400.000.000 đồng ngày 12/10/2023 là tiền mua bán hụi với bà L. Lời trình bày của bà N mâu thuẫn với lời trình bày tại cấp sơ thẩm nên không được chấp nhận.

Cấp sơ thẩm xác định số tiền nợ vay bà N nợ bà L là 900.000.000 đồng là có căn cứ.

[2.2] Về số tiền nợ đã trả:

Bà L cho rằng bà N mượn tiền nhiều lần, tính đến ngày 15/10/2023 bà N nợ tổng cộng là 900.000.000 đồng. Bà N cho rằng ngày 06/12/2023, bà L đã gút nợ lại với bà ghi nội dung “06/12/2023, Nhà mượn bà L 626.000.000 đồng” và tính đến ngày 25/5/2024 thì bà N đã trả tiền xong cho bà L. Bà L thừa nhận chữ viết, chữ ký của bà tuy nhiên không thừa nhận việc gút nợ mà cho rằng đây khoản nợ nằm trong số tiền nợ gốc 900.000.000 đồng.

Xét thấy, bà L và bà N có quan hệ làm ăn vay mượn nhiều lần, mua bán hụi, các bên cung cấp nhiều giấy nợ và đều trình bày các khoản nào trả xong hoặc gút nợ thành khoản khác thì gạch bỏ giấy nợ cũ. Đối với khoản nợ 626.000.000 đồng, nội dung trong cuốn tập màu xanh do bà N cung cấp chỉ ghi “06/12/2023, Nhà mượn bà L 626.000.000 đồng” và “Nhà còn nợ bà L: 6.250.000 sáu trăm hai mươi lăm triệu: 25/5/2024 30 phần” mà không thể hiện gì về việc gút nợ có liên quan đến khoản nợ 900.000.000 đồng. Hơn nữa, bà L không thừa nhận đây là gút nợ mà cho

rằng bà viết tách khoản nợ này ra để bà N có điều kiện trả nợ cho bà từng khoản nên hai bên không gạch bỏ bản chính Bảng thoả thuận bán đất ghi ngày 06/9/2023 và bà L vẫn giữ bản chính. Bà N cho rằng, tại thời điểm 25/5/2024 chỉ còn nợ số tiền 625.000.000 đồng. Tuy nhiên bà N không chứng minh được số tiền đã trả cho bà L vào thời điểm nào. Mặt khác, giấy biên nhận nợ 900.000.000 đồng bà L còn giữ nên không có cơ sở xác định bà N đã trả cho bà L số tiền 300 triệu như bà N trình bày.

Bà N cho rằng, sau khi viết giấy có nội dung “*Nhà còn nợ bà L: 6.250.000 sáu trăm hai mươi lăm triệu: 25/5/2024 30 phần*”, bà N đã trả cho bà L 19 lần, mỗi lần 30.000.000 đồng thông qua bà H2, bà H3 và ông H1. Tuy nhiên, số tiền bà H2, bà H3 thừa nhận có nhận giùm bà N đóng cho bà L phù hợp với các chứng cứ các bên cung cấp là 42.000.000 đồng, số tiền anh H1 chuyển khoản cho bà N là 20.000.000 đồng. Như vậy có căn cứ bà N đã trả cho bà L 62.000.000 đồng. Do số tiền bà H2, bà H3 và ông H1 chuyển cho bà L không thể hiện là trả lãi hay gốc nên cấp sơ thẩm tính lãi khoản tiền vay, sau đó khấu trừ khoản tiền bà N đã trả cho bà L là phù hợp.

[2.3] Về tiền lãi:

Bà N trình bày hai bên thoả thuận miệng tiền lãi là 1.000.000.000 đồng là 26.000.000 đồng/tháng, bà có đóng tiền lãi hàng tháng, đóng từ tháng 9/2023 đến ngày 06/12/2023. Bà L trình bày tiền lãi hai bên thoả thuận miệng, ban đầu thoả thuận là 2,5%/tháng/01 tỷ đồng, bà N đã đóng lãi được mấy tháng thông qua bà H2, bà H3. Tiền bà H2, bà H3 đưa là tiền lãi của số tiền 900.000.000 đồng.

Xét thấy, theo bảng thoả thuận mua bán đất ghi ngày 06/9/2023 và ngày 15/10/2023 các bên không thoả thuận lãi, việc thoả thuận lãi là thoả thuận miệng, các bên có tranh chấp về lãi suất nên cấp sơ thẩm xác định lãi suất theo khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 là 10%/năm là đúng quy định của pháp luật. Các bên không kháng cáo về cách tính lãi.

[2.3] Về nghĩa vụ liên đới: Các bên đều trình bày thống nhất ông H1 con của bà N có cam kết nếu bà N không trả tiền được cho bà L thì ông H1 trả thay, có ký vào bảng thoả thuận bán đất ngày 06/9/2023 đối với khoản tiền nợ gốc 700.000.000 đồng, tại phiên toà bà L chỉ yêu cầu ông H1 liên đới với bà N trả tiền nợ gốc 700.000.000 đồng, không yêu cầu ông H1 liên đới trả tiền nợ lãi. Xét thấy sau khi gút nợ ngày 06/9/2023, bà L và bà N đều thừa nhận bà N có mượn thêm 100.000.000 đồng tổng cộng 800.000.000 đồng, sau đó ngày 12/10/2023 bà N trả cho bà L 400.000.000 đồng, còn nợ lại 400.000.000 đồng. Ngay sau đó, bà N mượn lại 400.000.000 đồng của bà L mà không có sự cam kết trả thay của ông H1. Do đó, có căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu của bà L về nghĩa vụ liên đới. Ông H1 kháng cáo không đồng ý liên đới không có căn cứ chấp nhận

[2.4] Kèm theo đơn kháng cáo, bà N nộp bổ sung các hình ảnh chụp từ màn hình điện thoại qua tin nhắn zalo, hình ảnh thể hiện giao dịch chuyển khoản, tài

khoản thụ hưởng là bà Nguyễn Thị Thúy L, tổng số tiền là 72.000.000 đồng. Tuy nhiên, các giao dịch này không rõ tài khoản chuyển, thời gian chuyển, nội dung chuyển. Mặt khác bà L không thừa nhận số tiền này thanh toán cho số nợ 900.000.000 đồng. Bà L cho rằng, các khoản tiền bà N chuyển cho bà là tiền bà L mua hụi của bà N, số tiền 372.000.000 đồng. Sau khi mua hụi thì bà N có nghĩa vụ trả lại số tiền hụi theo từng đợt cho bà L. Lời trình bày của bà L phù hợp với chứng cứ bà L cung cấp là giấy mua hụi có chữ ký của bà N. Bà N cho rằng, số tiền mua bán hụi thực chất là số nợ 400.000.000 đồng bà N ký nhận ngày 12/10/2023 là không có cơ sở chấp nhận. Do đó, các tài liệu bà N cung cấp kèm theo đơn kháng cáo không được coi là chứng cứ chứng minh việc bà N trả tiền cho bà L trong số nợ 900.000.000 đồng.

[3] Từ các phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy: Bản án sơ thẩm đã đánh giá đúng bản chất vụ án, áp dụng đúng pháp luật. Bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Văn H1 kháng cáo nhưng không chứng minh được yêu cầu kháng cáo là có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận. Giữ nguyên bản án sơ thẩm như ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm.

[4] Tại phiên tòa ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát về đề nghị Hội đồng xét xử, giữ nguyên bản án sơ thẩm là có cơ sở chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm:

Do kháng cáo bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Văn H1 không được chấp nhận nên bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Văn H1 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Văn H1.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 45/2026/DS-ST ngày 29-01-2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 10 - Tây Ninh.

2. Án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Văn H1, mỗi người phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm. Khấu trừ 300.000 đồng án phí bà Nguyễn Thị N và 300.000 đồng án phí ông Nguyễn Văn H1 đã nộp theo biên lai thu số 0003290 và 0003291, ngày 12 tháng 02 năm 2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao tại TP.HCM;
- VKSND tối cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND Khu vực 10 - Tây Ninh;
- Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh;
- Đương sự;
- Phòng HCTP-TAND tỉnh TN;
- Phòng GD, TT, KT&THA.TANDTTN;
- Lưu. hồ sơ, lưu trữ, tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Thuý Lành